

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Trọng Khôi

Các hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Văn Thanh

Ông: Nguyễn Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2022/QĐXXST-DS ngày 27/12/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Xuân L, sinh năm 1985 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Thị L1, sinh năm 1990 (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Đoàn Xuân L trình bày:** Anh kết hôn với chị Trần Thị L1 ngày 09/9/2016, trước khi cưới có được tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm cãi nhau, không xây dựng được hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ đầu năm

2022. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L1.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Đoàn Thị Ngọc M, sinh ngày 23/10/2017; hiện con đang ở cùng chị L1, con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn, vì con còn nhỏ nên anh đồng ý để chị L1 nuôi con. Hiện anh đang lao động tự do, không có việc làm ổn định, thu nhập không ổn định, anh sẽ góp cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/1 tháng để chị L1 nuôi con, khi nào có điều kiện thu nhập ổn định anh sẽ thay đổi mức góp cấp dưỡng nuôi con sau.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì đáng giá, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn chị Trần Thị L1 trình bày:** Anh L trình bày về thời gian kết hôn và quá trình mâu thuẫn là đúng, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị đồng ý ly hôn anh L. Về con chung: Như anh L trình bày là đúng, nay ly hôn chị xin nuôi con, yêu cầu anh L góp cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật cho tới khi con 18 tuổi. Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh L, chị L1 đều vắng mặt, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân, các đương sự trong suốt quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh L, chị L1 đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Đề nghị xét xử cho anh L được ly hôn chị L1; Về con chung: Giao chị L1 nuôi con chung là Đoàn Thị Ngọc M, sinh ngày 23/10/2017, anh L có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cho chị L1 là 800.000đ/1 tháng để chị L1 nuôi con, kể từ ngày 17/01/2023 đến khi con tròn 18 tuổi, anh L được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này; Về tài sản: Cả anh L và chị L1 đều không đề nghị giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết; anh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra còn đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, phạm vi khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Đoàn Xuân L, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã X, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Khởi kiện xin ly hôn đối với chị Trần Thị L1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Nội dung: Anh L xin được ly hôn chị L1, đề nghị Tòa án giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải

quyết về tài sản. Như vậy đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hôn nhân và gia đình, đề nghị xin được ly hôn, đề nghị giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị giải quyết về tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay cả anh L và chị L1 đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Nên HĐXX áp dụng Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Xuân L kết hôn với chị Trần Thị L1 ngày 09/9/2016, trên cơ sở tự nguyện hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, nên trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, không bảo được nhau để cùng xây dựng hạnh phúc gia đình. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2022. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn cả anh L và chị L1 đều thiết tha xin được ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay cả anh L và chị L1 đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần xử cho anh L được ly hôn chị L1. Xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh L và chị L1 sinh được một con chung là Đoàn Thị Ngọc M, sinh ngày 23/10/2017, hiện cháu đang ở cùng chị L1, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn các bên thỏa thuận để chị L1 nuôi con, anh L đồng ý có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cho chị L1 là 500.000đ/1 tháng để chị L1 nuôi con, đến khi con tròn 18 tuổi, tuy nhiên cả anh L và chị L1 đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. HĐXX xét thấy anh L hiện là lao động tự do không có thu nhập ổn định, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ cần giao chị L1 nuôi con, anh L có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cho chị L1 là 500.000đ/1 tháng để chị L1 nuôi con, kể từ ngày 17/01/2023 đến khi con tròn 18 tuổi; anh L được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này, xét là phù hợp Điều 81; 82; 83; 110; 116; 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp về thay đổi nuôi con và mức góp cấp dưỡng nuôi con, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.3] Về chia tài sản: Quá trình giải quyết vụ án cả anh L và chị L1 đều không đề nghị Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa hôm nay, cả anh L và chị L1 đều vắng mặt và đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có xảy ra tranh chấp về tài sản, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Anh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 238, 235, 264, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Xuân L được ly hôn chị Trần Thị L1.

2. Về nuôi con chung: Xử giao chị Trần Thị L1 nuôi con chung là Đoàn Thị Ngọc M, sinh ngày 23/10/2017, anh L có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cho chị L1 là 500.000đ/1 tháng để chị L1 nuôi con, kể từ ngày 17/01/2023 đến khi con tròn 18 tuổi; anh L được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn, không ai được cản trở anh L thực hiện quyền này.

3/ Về án phí: Anh Đoàn Xuân L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000928 ngày 02/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Anh L còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt.

Án xử sơ thẩm công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Lạng Giang.
- Chi cục THA huyện Lạng Giang.
- UBND xã X, Yên Thế, Bắc Giang.
- Các đương sự.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thân Trọng Khôi